

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2025/DS-PT

Ngày: 25/02/2025.

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Thành Đăng

2. Ông Nguyễn Văn Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Vân Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*
Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2025/TLPT-DS, ngày 22 tháng 01
năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 195/2024/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm
2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2025/QĐ-PT ngày
05 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số G, đường L, Khóm F, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh
Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Thanh H1**, sinh năm 1960
(theo văn bản ủy quyền ngày 25/10/2024)

Địa chỉ: Số F, Đ, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông **Đặng Minh Q**

Địa chỉ: Số F, Phó C, Khóm E, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông **Đặng Minh Q**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/8/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Huỳnh Thị H và người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Thanh H1 trình bày:*

Do có quen biết nhau, ngày 22/10/2015 ông **Đặng Minh Q** có đến nhà bà Huỳnh Thị H tại số G, đường L, Khóm F, Phường B, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long hỏi vay số tiền 30.000.000 đồng, có lập thành biên nhận do ông **Đặng Minh Q** tự viết và ký tên, thời hạn mượn là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Đối với số tiền vay này ông Q đã trả lãi đầy đủ đến tháng 9/2016 (1.500.000 đồng/tháng)

Đến ngày 20/7/2016 ông Q tiếp tục vay bà H số tiền 50.000.000 đồng, có lập thành biên nhận do ông Q tự viết và ký tên, thời hạn mượn là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Đối với số tiền vay này ông Q đã trả lãi 02 tháng, đến 20/9/2016 thì ngưng không trả lãi nữa. Tổng cộng số tiền lãi mà phía ông Q đã trả cho bà H từ khi vay tiền là 21.000.000 đồng.

Đến khoảng tháng 11/2016, khi ông Q không tiếp tục trả lãi, bà H có tìm đến nhà và nơi ông Q làm việc, nhưng bà H được thông báo ông Q đã nghỉ việc và ông Q không còn sinh sống ở địa chỉ số F, Phó C, Khóm E, Phường D, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Đến năm 2024, bà H phát hiện ông Q sinh sống ở địa chỉ nêu trên nên đã khởi kiện ông Q để đòi tiền.

Cụ thể, bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Đặng Minh Q** có trách nhiệm trả cho bà số tiền vay vốn gốc 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và tiền lãi (95 tháng), lãi suất 1,66%/tháng bằng 126.160.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng cộng số tiền phải trả cho bà là 206.160.000 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Phạm Thanh H1** rút lại yêu cầu về tiền lãi với số tiền là 126.160.000 đồng (Một

trăm hai mươi sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

** Theo bản khai ý kiến ngày 21/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đặng Minh Q trình bày:*

Ông Q thống nhất với lời trình bày của bà H về 02 khoản nợ vay ngày 22/10/2015 và ngày 20/7/2016. Tuy nhiên, ông Q đã trả đầy đủ tiền lãi và vốn vay cho bà H ở cả hai khoản nợ trên và không lấy lại biên nhận. Ông Q trình bày căn cứ cho sự việc này như sau: Đối với số tiền 30.000.000 đồng mượn ngày 22/10/2015 nếu ông không trả thì bà H đã không cho mượn tiếp số tiền 50.000.000 đồng ngày 20/7/2016. Các biên nhận đều quy định thời hạn trả nợ là 01 tháng nên trong thời hạn 01 tháng ông Q hoàn tất việc trả nợ cho bà H. Nếu ông Q không trả nợ thì bà H đã đòi và khởi kiện ông Q từ 10 năm trước. Ngoài ra, biên nhận nợ không có nội dung thỏa thuận về lãi suất nên bà H yêu cầu ông Q trả lãi là không phù hợp.

Do đó, ông Q không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Hữu .

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 195/2024/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H đối với anh Đặng Minh Q.

2. Buộc anh Đặng Minh Q có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền là 80.000.000 đồng (T mươi triệu đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Huỳnh Thị H đối với anh Đặng Minh Q do bà Huỳnh Thị H rút lại yêu cầu này.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ trả tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật, án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

** Ngày 25/12/2024 bị đơn ông Đặng Minh Q kháng cáo yêu cầu như sau:*

Ông Q thống nhất với lời trình bày của bà H về 02 khoản nợ vay ngày 22/10/2015 và ngày 20/7/2016. Tuy nhiên, ông Q đã trả đầy đủ tiền lãi và vốn vay cho bà H ở cả hai khoản nợ trên và không lấy lại biên nhận vì tin tưởng bà H.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng mượn ngày 22/10/2015 nếu ông không trả cho bà H trong thời hạn 01 tháng thì bà H đã không cho mượn tiếp số tiền 50.000.000 đồng ngày 20/7/2016. Các biên nhận đều quy định thời hạn trả nợ là 01 tháng nên trong thời hạn 01 tháng ông Q hoàn tất việc trả nợ cho bà H. Nếu ông Q không trả nợ thì bà H đã đòi và khởi kiện ông Q từ 10 năm trước. Đồng thời, ông Q không thống nhất về khoản tiền lãi 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng) mà bà H trình bày ông Q đã trả cho bà H. Ngoài ra, việc bà H trình bày khoảng 03 tháng sau khi ông Q không đóng lãi cho bà H từ tháng 9/2016, bà H có tìm đến nhà ông Q để đòi tiền nhưng được thông báo là ông Q không còn sinh sống ở địa chỉ số F, Phó C, Khóm E, Phường D, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là không phù hợp vì thời điểm này ông Q vẫn còn đang làm việc tại Ngân hàng N – chi nhánh tỉnh V đến ngày 20/5/2017 ông Q mới nghỉ việc. Do đó, ông Q kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H về việc buộc ông Đặng Minh Q trả số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

** Tại phiên tòa phúc thẩm:* Bị đơn ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Q đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Q đã trả xong số tiền vay cho bà H nhưng vì tin tưởng nên không lấy lại biên nhận gốc.

Người đại diện hợp pháp bà H không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đề nghị bác kháng cáo bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn chưa trả số tiền vay 80.000.000 đồng cho bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Đặng Minh Q thừa nhận có mượn tiền bà H 02 lần tiền. Cụ thể: ngày 22/10/2015 mượn số tiền 30.000.000 đồng và ngày 20/7/2016 mượn số 50.000.000 đồng. Tổng cộng bằng số tiền 80.000.000 đồng. Khi mượn có viết biên nhận nợ. Tuy nhiên, ông Q cho rằng đã trả cho bà H số tiền 80.000.000 đồng xong nhưng vì tin tưởng bà H nên không lấy lại biên nhận. Tuy nhiên, bà H và người đại diện hợp pháp bà H không thừa nhận việc ông Q đã trả số tiền 80.000.000 đồng.

Ông Q kháng cáo cho rằng theo biên nhận ngày 22/10/2015, số tiền 30.000.000 đồng hai bên thỏa thuận thời hạn vay 1 tháng. Khi đến hạn ông đã trả vốn, lãi cho bà H xong nhưng không lấy lại biên nhận. Sau đó, đến ngày 20/7/2016 ông vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng. Nếu ông không trả số tiền vay 30.000.000 đồng thì bà H đã không cho ông mượn tiếp số tiền 50.000.000 đồng và nếu ông Q không trả nợ thì bà H đã đòi và khởi kiện ông Q từ 10 năm trước. Do đó, ông Q kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H về việc buộc ông trả số tiền vay 80.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp bà H cho rằng tuy hai bên thỏa thuận thời hạn vay số tiền 30.000.000 đồng nhưng do ông Q lúc đầu đóng lãi đúng, đầy đủ nên bà H tiếp tục cho ông Q vay lần hai số tiền 50.000.000 đồng. Bà H không thể khởi kiện ông Q từ năm 2016, lý do bà H nhiều lần không thể liên lạc được ông Q theo địa chỉ nơi làm việc và nơi cư trú của ông Q. Xét việc bà H không khởi kiện ông H trong thời hạn luật định là quyền định đoạt của đương sự đây không phải là căn cứ để chứng minh cho việc ông Q đã trả xong vốn vay số tiền 80.000.000 đồng.

Xét lý do ông Q cho rằng đã trả tiền vốn vay 80.000.000 đồng nhưng không lấy lại bản chính hai biên nhận vay vì tin tưởng bà H nhưng bà H không thừa nhận và ông Q không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả xong số tiền vay 80.000.000 đồng. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của

ông Q. Án sơ thẩm xử buộc ông Q trả cho bà H tiền vốn vay hai biên nhận ngày 22/10/2015, số tiền 30.000.000 đồng và ngày 20/7/2016, số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ.

[2] Về án phí: Bị đơn ông Đặng Minh Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng. Số tiền trên ông Q đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 7577, ngày 26/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên được khấu trừ.

[3] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Huỳnh Thị H đối với ông Đặng Minh Q, án phí dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đặng Minh Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 195/2024/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hữu . Buộc bị đơn ông Đặng Minh Q có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị H số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bị đơn ông Đặng Minh Q phải chịu số tiền 300.000 đồng. Số tiền trên ông Q đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 7577, ngày 26/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên được khấu trừ.

3/ Các phần khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của

bà Huỳnh Thị H đối với ông Đặng Minh Q và phần án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC + VKSNDTC: 02;
- TANDCC + VKSNDCC: 02;
- VKSND TVL: 02;
- TAND TPVL: 01;
- Cục THADS TVL: 01;
- Chi Cục THADS TPVL: 01;
- Đương sự: 03;
- Lưu VP: 01;
- Phòng KTNV&THA: 01;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Sơn Nữ Phà Ca